

Số: /BC-UBND

Ia Blang, ngày tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO

kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 9 tháng đầu năm và phương hướng triển khai nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2022

I. Đặc điểm tình hình chung.

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã

1.1. Vị trí địa lý.

Xã Ia Blang nằm ở phía Tây Nam huyện Chư Sê, phía Đông giáp xã Ia Pal, phía Nam giáp xã Ia Roong và xã Ia Dreng của huyện Chư Puh, phía Tây giáp xã Ia Hlốp, phía Bắc giáp Thị trấn Chư Sê.

1.2. Diện tích tự nhiên.

Diện tích đất tự nhiên của toàn xã: 2.019,79 ha, chiếm 3,147% diện tích đất tự nhiên của huyện.

1.3. Tài nguyên.

- Đất đai: Diện tích đất tự nhiên là: 2.019,79 ha, trong đó:
 - + Đất nông nghiệp: 1.554,47 ha chiếm 76,81 % diện tích tự nhiên.
 - + Đất phi nông nghiệp: 465,32 ha chiếm 23,19 % diện tích tự nhiên.
- Rừng: Không có
- Mặt nước: Không có.
- Khoáng sản: Không có

1.4. Nhân lực:

Toàn xã có 11 thôn, làng (gồm: thôn 1, thôn 2, thôn 4, thôn Vinh Hà, thôn 6, thôn An Điền, làng Nhả, làng Koái, làng Mung Hlú, làng Tok Roh, làng Blo Hưng), với tổng dân số: 9.839 người, có 05 làng đồng bào dân tộc thiểu số chủ yếu là Bana, Jrai và 8 thôn người kinh, trong đó đồng bào DTTS: Bana, Jrai: với 2.763 nhân khẩu chiếm 28,58%. Đến tháng 11 năm 2019 trên địa bàn xã còn 64/2.389 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 2,7%; 236 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 9,89%. Đảng bộ xã có 230 đảng viên, sinh hoạt tại 18 chi bộ.

1.5. Số lao động trong độ tuổi:

- Xã Ia Blang có lực lượng lao động khá dồi dào với 5.961/10.776 người, chủ yếu là lao động trẻ, chiếm 55,32% trên tổng dân số toàn xã. Trong đó, lao động làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp là 4.768 người, chiếm 80% lực lượng lao động của xã; Còn lại 1.193 người, chiếm 20% là lao động trong lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại, công chức, viên chức nhà nước.

2. Thuận lợi:

Là xã sản xuất nông nghiệp là chủ yếu, cây trồng chủ lực là cây Cà Phê, luôn ổn định về năng suất, giá và hạn chế sâu bệnh. Ngoài ra trên địa bàn xã còn phù hợp trồng các loại cây lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp ngắn ngày, dài ngày khác như Hồ tiêu, Chanh dây, Bơ, Sầu riêng...Xã có nguồn nhân lực lao động dồi dào đây là yếu tố quan trọng cho quá trình đẩy mạnh phát triển nông nghiệp nông thôn, phát triển ngành nghề và dịch vụ. Đội ngũ cán bộ xã, cán bộ thôn, làng đã qua đào tạo và công tác thực tiễn, nhiệt tình, năng động, trách nhiệm. Đây là điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của xã.

3. Khó khăn.

Tỷ lệ người dân tộc thiểu số (Jrai, Bana) chiếm 24,5% dân số toàn xã, phần lớn trình độ dân trí còn hạn chế, từ đó việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất chưa thường xuyên, dẫn đến hiệu quả kinh tế chưa cao. Đến tháng 11 năm 2019 trên địa bàn xã còn 64 hộ nghèo/2.389 hộ, chiếm tỷ lệ 2,68%.

II. Căn cứ triển khai thực hiện.

- Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015.
- Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.
- Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ Tướng Chính Phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.
- Văn bản số 2003/TTg-KTN, ngày 05/11/2015 của Thủ tướng chính phủ về việc huy động vốn đóng góp của dân để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.
- Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 19 tháng 7 năm 2011 của Tỉnh ủy Gia Lai tại Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XIV) về xây dựng nông thôn mới tỉnh Gia Lai đến năm 2020.
- Quyết định số 804/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 của UBND tỉnh Gia Lai về việc Quy định các định mức vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Gia Lai.
- Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND, ngày 20/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc Quy định các định mức hỗ trợ cho các hoạt động về phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn trên địa bàn tỉnh Gia Lai.
- Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 23/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai.
- Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Căn cứ Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 04/7/2018 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành bộ tiêu chí xã đạt chuẩn NTM nâng cao giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Nghị quyết số 01-NQ/ĐH, ngày 16/10/2015 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ XV.

- Nghị quyết số 02-NQ/ĐH ngày 02/12/2015 của Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Chư Sê lần thứ IX.

- Quyết định số 81/QĐ-UBND, ngày 03/2/2016 của UBND huyện Chư Sê về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IX và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng 5 năm (2016 - 2020).

III. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng nông thôn mới.

1. Công tác chỉ đạo, điều hành.

- Đảng ủy, UBND xã Ia Blang đã ban hành Nghị quyết, Kế hoạch thực hiện các tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. Chỉ đạo điều chỉnh đề án Nâng cao các tiêu chí xây dựng Nông thôn mới xã Ia Blang, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2020. Kiện toàn Ban Quản lý do đồng chí Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban với 25 thành viên, Ban phát triển trên mỗi thôn, làng từ 07- 08 thành viên.

- Ban quản lý, Ban giám sát và các ban phát triển thôn, làng với chức năng nhiệm vụ của mình, hàng tháng, hàng quý xây dựng chương trình kế hoạch cụ thể để thực hiện tiêu chí. Đồng thời chủ động điều hành và giám sát tốt chương trình kế hoạch đã đề ra. Phân công trách nhiệm cụ thể cho từng ngành phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và chức năng của từng ngành.

- Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến về các chủ trương, chính sách và cách thức tiến hành xây dựng nông thôn mới đến cán bộ, đảng viên và nhân dân tạo điều kiện cho cả hệ thống chính trị và nhân dân hiểu rõ hơn mục đích, nội dung, tư tưởng chỉ đạo, cơ chế chính sách của Đảng, Nhà nước, của tỉnh về xây dựng NTM.

- Các tổ chức chính trị - xã hội của xã (UBMT Tổ quốc, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên, Công đoàn xã) đã tổ chức hội nghị lồng ghép tuyên truyền về xây dựng NTM cho các đoàn viên, hội viên.

2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn.

- Đã phát động hưởng ứng phong trào thi đua "*Chư Sê chung sức xây dựng nông thôn mới*" trên địa bàn xã. Công tác tuyên truyền, phổ biến về các chủ trương, chính sách và cách thức tiến hành xây dựng nông thôn mới được quan tâm triển khai, phổ biến sâu rộng đến cán bộ, đảng viên và nhân dân với nhiều hình thức đa dạng, phong phú tạo điều kiện cho cả hệ thống chính trị và nhân dân hiểu rõ hơn mục đích, nội dung, tư tưởng chỉ đạo, cơ chế chính sách của Đảng, Nhà nước, của Tỉnh về xây dựng NTM.

- Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã đã triển khai cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, gắn xây dựng NTM và thành lập Ban giám sát đầu tư cộng đồng trong xây dựng NTM”.

- Ủy ban MTTQ xã và các đoàn thể xây dựng kế hoạch trực tiếp xuống từng thôn, làng để vận động làm 3 công trình vệ sinh và hồ rác.

- Cán bộ xã, thôn, làng đã tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về xây dựng NTM do huyện, tỉnh tổ chức. Hướng dẫn chi tiết một số nội dung thực hiện ban đầu như: Phương pháp tuyên truyền, vận động tham gia xây dựng nông thôn mới; phương pháp khảo sát đánh giá thực trạng nông thôn; công tác lập, quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch, đề án xây dựng nông thôn mới; đồng thời trang bị đầy đủ tài liệu về xây dựng nông thôn mới đến các thôn, làng trong xã phổ biến đến người dân biết tham gia.

3. Công tác chỉ đạo phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chủ trương chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng tập trung, thâm canh, chuyên canh và sản xuất hàng hoá, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ. Tăng cường công tác khuyến nông; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp. Phát triển kinh tế hộ, trang trại, tổ hợp tác; chú trọng ưu tiên việc hỗ trợ đầu tư các mô hình phát triển sản xuất cho thu nhập cao và phù hợp với nhu cầu của người dân để nâng cao đời sống nhân dân.

- UBND xã kết hợp với các phòng ban chuyên môn của huyện và công ty cổ phần KD & PT miền núi Gia Lai, đã tập trung các nguồn vốn từ các chương trình sự nghiệp nông nghiệp, khuyến nông, chương trình cấp không thu tiền, chương trình 135 và các chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất. Cụ thể như sau: Dự án trồng thâm canh 15 ha sàu riêng thuộc chương trình liên kết theo chuỗi giá trị; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; Chương trình cấp không thu tiền hỗ trợ vật tư nông nghiệp; Chương trình tái canh cây cà phê...

4. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới nâng cao năm 2021.

Tổng kinh phí thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Ia Blang là 9.222.600.000 đồng, cụ thể:

- Ngân sách Trung ương: 6.106.600.000 đồng.
- Ngân sách tỉnh: 1.489.400.000 đồng.
- Ngân sách huyện: 1.904.000.000 đồng.
- Nhân dân đóng góp: 1.400.600.000 đồng.
- Vốn sự nghiệp: 226.000 đồng.

IV. Kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao.

Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo quy định là 17/19 tiêu chí, đạt 89,47%, cụ thể.

1. Tiêu chí số 1- Quy hoạch.

a) Yêu cầu của tiêu chí.

- Chỉ tiêu 1: Tổ chức quản lý và đầu tư xây dựng theo đúng quy hoạch được duyệt.
- Chỉ tiêu 2: Công bố và thực hiện cấm mốc theo quy định.
- Chỉ tiêu 3: Thường xuyên tuyên truyền nội dung quy hoạch cho các tổ chức, người dân biết và thực hiện.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí.

Có quy hoạch nông thôn mới đảm bảo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với ứng phó với biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hoá, đảm bảo tiêu chí môi trường nông thôn, bao gồm:

- Quyết định số 907/QĐ-UBND, ngày 20/9/2019 của UBND huyện Chư Sê về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã Ia Blang đến năm 2030.

- Quyết định số 935/QĐ-UBND, ngày 28/12/2018 của UBND huyện Chư Sê về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm hành chính xã Ia Blang huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai đến năm 2030.

- Có Quy chế quản lý quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Đã triển khai thực hiện và trình UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 760/QĐ-UBND, ngày 06/11/2018 của UBND huyện Chư Sê.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

Các bản vẽ Quy hoạch được niêm yết công khai để người dân biết và thực hiện; hoàn thành việc cắm mốc quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm hành chính xã đã được UBND huyện phê duyệt và UBND xã niêm yết, công khai tại UBND xã.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

Các nội dung liên quan đến quy hoạch và công bố quy hoạch thường xuyên được UBND xã tuyên truyền đến các tổ chức, người dân biết qua các chương trình, hội nghị, đài truyền thanh của xã.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

c) Kết quả đánh giá tiêu chí: Đạt so với tiêu chí.

2. Về hạ tầng kinh tế - xã hội: Gồm 8 tiêu chí (*Tiêu chí số 2 đến tiêu chí số 9*)

2.1. Tiêu chí số 2: Giao thông.

a) Yêu cầu của tiêu chí.

Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hoá hoặc bê tông hoá, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm đạt tỷ lệ 100%; Đường trục thôn, làng và đường liên thôn làng được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm, đạt tỷ lệ cứng hoá 100%; Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa đạt tỷ lệ 100%, trong đó tỷ lệ cứng hoá đạt tỷ lệ từ 70% trở lên; Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hoá thuận tiện quanh năm đạt tỷ lệ cứng hoá từ 85% trở lên. Thường xuyên duy tu bảo dưỡng đường giao thông, không để xảy ra tình trạng xuống cấp.

b) Kết quả thực hiện.

- Tỷ lệ đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hoá hoặc bê tông hoá, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm. Khối lượng thực hiện: Đã nhựa hóa 6,65/6,65km, đạt 100%.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

- Tỷ lệ đường trục thôn, làng và đường liên thôn làng được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm. Khối lượng thực hiện: Đã cứng hóa 12,543/12,543km, đạt 100%. Trong năm đã tiến hành duy tu bảo dưỡng 1,12 km đường tại các làng DB DTTS với tổng kinh phí 421.000.000 đồng.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

- Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa (tỷ lệ đường ngõ xóm được cứng hóa). Khối lượng thực hiện: 33,799/33,799km, đạt 100% sạch và không lầy lội vào mùa mưa. Đã cứng hoá được 33,799/33,799km, đạt 100%. Trong năm đã thực hiện cứng hóa 1,66 km theo chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2019 với tổng kinh phí 1.170.000.000 đồng.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

- Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hoá thuận tiện quanh năm. Khối lượng thực hiện: Đã cứng hóa 22,61/26,6km, đạt tỷ lệ 85%. Trong năm đã thực hiện cứng hóa 1,9km đường trục chính nội đồng tại làng Nhã và thôn 6, với tổng kinh phí thực hiện 368.000.000 đồng.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

- Các tuyến đường trên địa bàn xã Thường xuyên duy tu bảo dưỡng đường giao thông, không để xảy ra tình trạng xuống cấp.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

c) Kết quả đánh giá tiêu chí: Đạt so với tiêu chí.

2.2. Tiêu chí số 3: Thủy lợi.

a) Yêu cầu của tiêu chí.

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 85% trở lên;

- Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các công trình thủy lợi, không để xảy ra tình trạng xuống cấp.

b) Kết quả thực hiện.

Tổng diện tích gieo trồng trên địa bàn xã là 2.018 ha, trong đó diện tích được tưới chủ động là 1.736 ha đạt 86%, diện tích được tiêu nước chủ động là 1.816,5 ha, đạt 90%; so với Bộ tiêu chí Quốc gia (Đạt). Trong đó, diện tích tưới thuộc hệ thống tưới của các công trình thủy lợi là 198,66 ha, diện tích được tưới chủ động là 178,8 ha, đạt 90%, diện tích được tiêu nước chủ động là 198,66 ha, đạt 100%. Phần diện tích

còn lại người dân đào giếng và sử dụng nước từ các ao, hồ sông suối để tưới tiêu đảm bảo đạt chuẩn.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ: Đạt.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

- Các công trình thủy lợi trên địa bàn xã thường xuyên duy tu bảo dưỡng, không để xảy ra tình trạng xuống cấp. Trong năm đã tiến hành nạo vét 2,5km kênh mương đập làng Mung Hlú với tổng kinh phí thực hiện 59.000.000 đồng.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

c) Kết quả đánh giá tiêu chí: Đạt so với tiêu chí.

2.3. Tiêu chí số 4 - Điện.

a) Yêu cầu của tiêu chí.

Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện đạt tỷ lệ từ 99% trở lên.

b) Kết quả thực hiện.

Hệ thống điện hiện tại của xã đang sử dụng hệ thống điện lưới quốc gia, có 9 trạm biến áp 3 pha với 14,75 km đường dây hạ thế đến 11/11 thôn, làng; các hộ sử dụng điện đều có công tơ đo đếm, công suất điện đảm bảo nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh theo đúng yêu cầu kỹ thuật của ngành điện, tạo môi trường thuận lợi, đạt hiệu quả cao cho người sử dụng điện.

Việc quản lý vận hành luôn được đảm bảo; việc bảo vệ, tu dưỡng hệ thống điện để đảm bảo nhu cầu sử dụng được thực hiện định kỳ thường xuyên.

Hệ thống điện, đường dây hạ thế đáp ứng các yêu cầu về an toàn, độ tin cậy, tạo môi trường thuận lợi, có hiệu quả cho người sử dụng điện; tình hình quản lý, vận hành, bảo dưỡng hệ thống điện luôn được đảm bảo.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

- Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn: 2.389/2.389 hộ sử dụng điện lưới quốc gia; đạt: 100%.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt .

c) Kết quả đánh giá tiêu chí: Đạt so với tiêu chí.

2.4. Tiêu chí số 5: Trường học.

a) Yêu cầu của tiêu chí.

Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia từ 75% trở lên.

Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các công trình trường học, không để xảy ra tình trạng xuống cấp.

b) Kết quả thực hiện.

Tỷ lệ trường học các cấp: Mẫu giáo, Tiểu học, THCS có cơ sở vật chất đạt chuẩn Quốc gia theo quy định.

- Trên địa bàn xã có 03 trường: trường Mẫu giáo Hướng Dương, trường Tiểu học Tôn Đức Thắng và THCS Cù Chính Lan. Tỷ lệ trường học các cấp có cơ sở vật chất đạt chuẩn là 3/3 trường, đạt 100%.

+ Trường Mẫu Giáo Hướng Dương được UBND huyện đã bố trí kinh phí đầu tư hoàn thiện các hạng mục trong năm 2019, đến nay trường đã có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Thông tư số 02/2014/TT-BGDĐT ngày 08/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo “Ban hành Quy chế công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia”. Năm 2020, trường tiếp tục được UBND huyện quan tâm đầu tư xây dựng 01 nhà hiệu bộ và 03 phòng học với tổng kinh phí 3.300.000.000 đồng (QĐ số 311/QĐ-UBND ngày 18/12/2019).

+ Trường Tiểu học Tôn Đức Thắng được UBND huyện bố trí kinh phí đầu tư hoàn thiện các hạng mục trong năm 2019, đến nay trường đã có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Thông tư số 59/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về tiêu chuẩn đánh giá, công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu, trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia. Năm 2020, trường tiếp tục được UBND huyện quan tâm đầu tư xây dựng 01 nhà hiệu bộ, phòng bộ môn, nhà vệ sinh với tổng kinh phí 3.400.000.000 đồng (QĐ số 311/QĐ-UBND ngày 18/12/2019).

+ Trường THCS Cù Chính Lan đã được đầu tư xây dựng các hạng mục đảm bảo trường có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Thông tư số 47/2012/TT-BGDĐT ngày 07/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế công nhận trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học đạt chuẩn quốc gia.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

- Các công trình trường học trên địa bàn xã thường xuyên duy tu bảo dưỡng không để xảy ra tình trạng xuống cấp.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

c) Kết quả đánh giá tiêu chí: Đạt so với tiêu chí.

2.5. Tiêu chí số 6 : Cơ sở vật chất văn hoá.

a) Yêu cầu của tiêu chí.

- Xã có nhà văn hoá hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hoá, thể thao của toàn xã;

- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng đường giao thông, không để xảy ra tình trạng xuống cấp.

b) Kết quả thực hiện.

Năm 2022 xã duy trì các hoạt động văn hoá - văn nghệ một cách thường xuyên, UBND xã đã thành lập Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Ia Blang theo Quyết định số 687/QĐ-UBND, ngày 04/10/2018 của UBND huyện Chư Sê. UBND xã đã thành lập Ban chủ nhiệm Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và ban hành Quy chế hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã theo quy định tại Thông tư số 12/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch. Xây dựng 650m sân bê tông và mua sắm 03 bộ dụng cụ thể thao ngoài trời tại nhà văn hóa xã với tổng kinh phí thực hiện 143.000.000 đồng. Sân vận động xã được đầu tư 400 triệu đồng để san ủi và xây khán đài đảm bảo cho công tác tổ chức các hoạt động thể dục thể thao trên địa bàn xã. Xây dựng 01 cổng chào xã tại thôn 1 với tổng kinh phí thực hiện 70.000.000 đồng.

Tỷ lệ thôn, làng có nhà văn hoá hoặc nơi sinh hoạt văn hoá, thể thao phục vụ cộng đồng đạt 100%: Trên địa bàn xã có 11/11 thôn, làng có địa điểm sinh hoạt văn hoá, văn nghệ và vui chơi giải trí cho nhân dân. Trong đó có 01 làng (làng Blo Hung) đang sử dụng nhà sinh hoạt cộng đồng ghép. Tỷ lệ nhà văn hoá đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch là 7/11 nhà, đạt 53,8%. (gồm: làng Nhả, thôn 4, thôn An Điền, làng Mung Hlú, làng Koái, làng Tok Roh). Đồng thời trong năm đã cấp kinh phí 5.000.000 đồng/thôn, làng để UBND các thôn làng mua sắm loa đài, trang trí khánh tiết, với tổng kinh phí thực hiện 65.000.000 đồng.

Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

- Các công trình nhà văn hoá trên địa bàn xã thường xuyên được duy tu bảo dưỡng không để xảy ra tình trạng xuống cấp.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

c) Kết quả đánh giá tiêu chí: Đạt so với tiêu chí.

2.6. Tiêu chí số 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

a) Yêu cầu của tiêu chí: Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán trao đổi hàng hoá:

- Xã đạt chuẩn tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn khi đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

- + Xã có chợ nông thôn hoặc chợ liên xã.
- + Xã có điểm, nơi mua bán, trao đổi hàng hóa.

b) Kết quả thực hiện.

Hiện tại trên địa bàn xã có 01 chợ, diện tích nhà lồng 228 m²; số hộ kinh doanh buôn bán tại chợ thường xuyên là 20 hộ với 20 ki ốt. Trong năm xã đã vận động các tiểu

thương trên địa bàn xã tham gia đóng góp kinh phí thực hiện lợp lại mái nhà lồng chợ và làm công chợ với tổng kinh phí thực hiện 45.000.000 đồng.

c) Kết quả đánh giá tiêu chí: Đạt so với tiêu chí.

2.7. Tiêu chí số 8: Thông tin và truyền thông.

a) Yêu cầu của tiêu chí.

Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành.

+ Kỹ năng sử dụng máy vi tính của cán bộ xã: 80% số cán bộ, công chức sử dụng máy tính trong công tác quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ và phải sử dụng thư điện tử công vụ trong giải quyết công việc chuyên môn.

+ Tỷ lệ máy tính/Số cán bộ công chức xã đạt tối thiểu 60%.

b) Kết quả thực hiện.

Về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành: Hiện nay có 17 máy vi tính được kết nối internet, thu sóng Wifi có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành và phục vụ làm việc, cụ thể:

+ Có 20/20 cán bộ, công chức sử dụng máy tính trong công tác quản lý chuyên môn nghiệp vụ và sử dụng thư điện tử công vụ trong giải quyết công việc chuyên môn, đạt tỷ lệ 100%.

+ Tỷ lệ máy tính/số cán bộ công chức của xã là: 18/20. Đạt 90%.

+ Tất cả các máy tính của các cơ quan: Đảng ủy xã, Hội đồng nhân dân xã và Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban MTTQT, các đoàn thể, ban ngành của xã đều sử dụng dịch vụ truy nhập Internet và thực hiện nhận/gửi văn bản chỉ đạo, điều hành qua mạng Internet.

+ Trang thông tin điện tử của xã thành phần trên Cổng thông tin điện tử của huyện được hoạt động.

+ Đã thực hiện trang bị 01 bộ máy dựng thanh phi tuyến phục vụ công tác truyền thanh trên địa bàn xã với tổng kinh phí thực hiện 30.000.000 đồng.

c) Kết quả đánh giá tiêu chí: Đạt so với tiêu chí.

2.8. Tiêu chí số 9: Nhà ở dân cư.

a) Yêu cầu của tiêu chí.

Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định từ 85% trở lên.

b) Kết quả thực hiện.

Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định Bộ Xây dựng đạt trên 85%: Trên địa bàn xã có: 2.032/2.389 nhà ở đạt chuẩn, đạt tỷ lệ 85,05%. Hiện nay trên địa bàn xã không có nhà tạm dột nát.

Đã thực hiện xây dựng 05 nhà cho người có công với tổng kinh phí thực hiện 250.000.000 đồng.

c) Kết quả đánh giá tiêu chí: Đạt so với tiêu chí.

3. Kinh tế và tổ chức sản xuất.

3.1. Tiêu chí số 10: Thu nhập.

a) Yêu cầu của tiêu chí.

Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn (*triệu đồng/người/năm*): Cao gấp 1,2 lần trở lên so với thời điểm công nhận đạt chuẩn NTM.

b) Kết quả thực hiện.

Qua 09 năm triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, thu nhập bình quân đầu người của người dân trên địa bàn xã được nâng lên, cụ thể: Năm 2018 là 35 triệu đồng/người/năm, đến nay đạt 42,5 triệu đồng/người/năm, tăng 1,35 lần so với thời điểm được công nhận.

c) Kết quả đánh giá tiêu chí: Đạt so với tiêu chí.

3.2. Tiêu chí số 11: Hộ nghèo.

a) Yêu cầu của tiêu chí.

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 giảm ít nhất 0,5 lần so với thời điểm công nhận đạt chuẩn NTM.

b) Kết quả thực hiện.

Hiện nay trên địa bàn xã có 199 hộ nghèo/2.432 hộ, chiếm tỷ lệ 8,18% tăng 2,62 lần so với thời điểm công nhận (*thời điểm công nhận là 5,56%*).

Ủy ban nhân dân xã đã xây dựng một số phương án giảm nghèo: Vận động vay vốn ngân hàng chính sách, xây dựng phương án cấp kinh phí từ nguồn vốn đầu tư làng đặc biệt khó khăn, chương trình hỗ trợ sản xuất để mua bò giống, vận động nhân dân phát triển kinh tế để tự đăng ký thoát nghèo trong năm 2022.

Thực hiện tốt đề án hỗ trợ phát triển sản xuất đa dạng hóa sinh kế, cấp 47 con bò cái sinh sản cho 47 hộ đăng ký thoát nghèo, Sửa chữa 03 nhà cho 03 hộ thiếu hụt về nhà ở với tổng kinh phí thực hiện 351.400.000 đồng.

c) Kết quả đánh giá tiêu chí: Đạt so với tiêu chí.

3.3. Tiêu chí số 12 : Lao động có việc làm.

a) Yêu cầu của tiêu chí.

Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động đạt từ 95% trở lên.

b) Kết quả thực hiện.

Tổng số lao động trong độ tuổi trên địa bàn xã có 5.683/5.961 lao động có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động, đạt tỷ lệ 95,34%.

c) Kết quả đánh giá tiêu chí: Đạt so với tiêu chí.

3.4. Tiêu chí số 13: Tổ chức sản xuất.

a) Yêu cầu của tiêu chí.

- Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012.
- Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững.
 - UBND xã lập kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực của xã gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn, trình UBND huyện phê duyệt.
 - Triển khai thực hiện có hiệu quả hoạt động phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực của xã gắn với cơ cấu kinh tế nông thôn.
 - Thực hiện cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp đối với một số loại cây trồng, vật nuôi chủ lực của xã có khả năng áp dụng cơ giới hóa.
 - Có mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ, an toàn hoặc có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất.
 - Giải quyết việc làm cho lao động nông thôn thông qua các mô hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn và tổ chức lại sản xuất.

b) Kết quả thực hiện.

- Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định: Xã có 01 Hợp tác xã sản xuất kinh doanh dịch vụ tổng hợp xã Ia Blang, hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững: HTX đã xây dựng mô hình chuỗi liên kết sản xuất, trồng, chăm sóc, tiêu thụ sản phẩm cà phê và các cây trồng khác giữa HTX sản xuất kinh doanh dịch vụ tổng hợp xã Ia Blang và nông dân trên địa bàn xã dựa trên hợp đồng liên kết.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

- UBND xã lập kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực của xã gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn: UBND xã đã ban hành quyết định số 50/QĐ-UBND, ngày 25/3/2019 về việc phê duyệt Danh mục sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực xã Ia Blang năm 2019 và định hướng phát triển đến năm 2020, trong đó xác định cây cà phê là cây chủ lực của xã Ia Blang, với tổng diện tích: 744 ha, chiếm tỷ lệ 36,86% so với tổng diện tích gieo trồng của xã để làm cơ sở phát triển các loại sản phẩm cà phê trên địa bàn xã và đã được UBND huyện phê duyệt. Đồng thời tại Nghị quyết số 11-NQ/HU đã xác định trên địa bàn xã sẽ trồng 50 ha cà phê sạch, nuôi heo hữu cơ vi sinh áp dụng công nghệ cao trong sản xuất.

Thực hiện tốt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi liên kết giá trị (*dự án trồng thâm canh cây sầu riêng*) với tổng kinh phí thực hiện 634.448.000 đồng.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

- Hiện nay huyện Chư Sê đã phê duyệt đề án Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025 để tổ chức triển khai thực hiện các mô hình. Trong năm giai đoạn tiếp theo sẽ tổ chức thực hiện các mô hình sản xuất cà phê sạch và nuôi heo hữu cơ vi sinh trên địa bàn xã Ia Blang.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

- Thực hiện cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp: Các loại cây trồng chủ lực của xã là hồ tiêu, cà phê, lúa, cây ăn quả đã được nông dân áp dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất. Cơ giới hóa để nâng cao năng suất lao động như: tưới tự động, tưới tiết kiệm, máy làm đất, máy đào, máy xới, máy gặt... đạt trên 80%.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

- Có mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ, an toàn, trên địa bàn xã đã có 03 mô hình cụ thể: mô hình trồng rau an toàn trong nhà lưới với diện tích 02 ha, mô hình nuôi heo hữu cơ với 100 con, mô hình nuôi dê hữu cơ với 400 con.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

- Trong những năm qua trên địa bàn xã xảy ra tình trạng cây hồ tiêu bị chết và xuống giá. Các mô hình nêu trên đã góp phần giải quyết việc làm cho lao động nông thôn.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

4. Về Giáo dục - Y tế - văn hóa - môi trường - Hệ thống tổ chức chính trị - An ninh trật tự.

4.1. Tiêu chí số 14 - Giáo dục và đào tạo.

a) Yêu cầu của tiêu chí.

- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3 theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học (phổ thông, bổ túc, trung cấp) đạt từ 85% trở lên;

- Tỷ lệ lao động có việc làm đã qua đào tạo đạt từ 65% trở lên;

- Có 100% số lao động nông thôn trong độ tuổi lao động thường trú tại địa phương có khả năng lao động được tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ, rủi ro thiên tai, cơ chế, chính sách của nhà nước và được cung cấp thông tin để phát triển sản xuất, kinh doanh hoặc chuyển đổi cách thức làm ăn phù hợp.

b) Kết quả thực hiện.

- Theo Quyết định 168/QĐ-UBND ngày 19 tháng 2 năm 2018 của UBND huyện Chư Sê về việc công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên địa bàn: Duy trì đạt chuẩn phổ cập mầm non, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đạt

mức độ 3, đạt chuẩn phổ cập giáo dục Trung học cơ sở mức độ 3, đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

- Có 102/102 học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học, đạt 100%.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

- Tỷ lệ lao động có việc làm đã qua đào tạo đạt từ 65% trở lên: trên địa bàn xã có 3.728/5.683 lao động, đạt tỷ lệ 65,61%.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

Có 100% số lao động nông thôn trong độ tuổi lao động thường trú tại địa phương có khả năng lao động được UBND xã tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ, rủi ro thiên tai, cơ chế, chính sách của nhà nước và được cung cấp thông tin để phát triển sản xuất, kinh doanh hoặc chuyển đổi cách thức làm ăn phù hợp trên hệ thống phát thanh của xã.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

c) Kết quả đánh giá tiêu chí: Đạt so với tiêu chí.

4.2. Tiêu chí số 15: Y tế.

a) Yêu cầu của tiêu chí.

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt từ 90 % trở lên;

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (*chiều cao theo tuổi*): $\leq 25\%$;

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các công trình trạm y tế, không để xảy ra tình trạng xuống cấp.

b) Kết quả thực hiện.

- Trên địa bàn xã có 8.189/10.776 người dân tham gia BHYT đạt 76%.

- Đánh giá chỉ tiêu: chưa đạt.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thấp còi có 126 trẻ em suy dinh dưỡng/tổng số 1.139 trẻ em, chiếm 11,06%

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

Trạm Y tế xã được đầu tư xây dựng mới năm 2019 có diện tích mặt bằng 2.500 m², diện tích xây dựng và sử dụng khối nhà chính là 360m² gồm: 13 phòng, trong đó có 12 phòng chức năng, 01 phòng trực với tổng kinh phí thực hiện 1.800.000.000 đồng. Trạm Y tế hiện tại đã có mô hình vườn cây thuốc nam, với diện tích 150m², trồng 40 loại cây thuốc. Trang thiết bị phục vụ khám và chữa bệnh được đầu tư cơ bản đầy đủ.

Về nhân lực của trạm Y tế tương đối đầy đủ, có 08 cán bộ trong đó có 01 bác sỹ, 01 y sỹ, 02 điều dưỡng, 03 nữ hộ sinh, 01 trung cấp dược sỹ. Đã được UBND tỉnh cấp bằng công nhận đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020. Kết quả của đoàn thẩm định đánh giá đạt: 89/100 điểm.

Trạm y tế thường xuyên được duy tu, bảo dưỡng, không để xảy ra tình trạng xuống cấp.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

c) Kết quả đánh giá tiêu chí: Chưa đạt so với tiêu chí.

4.3. Tiêu chí số 16: Văn hóa.

a) Yêu cầu của tiêu chí.

Tỷ lệ thôn, làng đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định đạt từ 80% trở lên.

b) Kết quả thực hiện.

- Trên địa bàn xã có 11/11 thôn làng đạt tiêu chuẩn thôn làng văn hóa, đạt 100%.

c) Kết quả đánh giá tiêu chí: Đạt so với tiêu chí.

4.4. Tiêu chí số 17: Môi trường và an toàn thực phẩm.

a) Yêu cầu của tiêu chí.

- Có hệ thống cung cấp nước sinh hoạt tập trung đảm bảo cung cấp nước sạch cho 100% số hộ dân trên địa bàn toàn xã;

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định đạt 100%;

- Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn;

- Mai táng phù hợp với phong tục tập quán, quy định và theo quy hoạch;

- Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định;

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch đạt từ 85% trở lên;

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường đạt từ 75% trở lên;

- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 100%;

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các công trình cấp nước, không để xảy ra tình trạng xuống cấp.

b) Kết quả thực hiện.

- Trên địa bàn xã có 2.389 hộ sử dụng nước sạch/2.389 hộ, đạt tỷ lệ 100%. Trong thời gian tới huyện sẽ mở rộng mạng lưới cung cấp nước sạch từ nhà máy nước sạch Chư Sê xuống xã Ia Blang đảm bảo đạt chuẩn. Ngoài ra, xã Ia Blang cũng đã đăng ký thực hiện chương trình “mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả vay vốn ngân hàng thế giới”.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

+ Trên địa bàn xã có 43/43 cơ sở, có cam kết bảo vệ môi trường (BVMT) đạt tỷ lệ 100%/100%. Chất thải từ các cơ sở được thu gom xử lý theo quy định. Trên địa bàn xã chủ yếu các cơ sở kinh doanh nhỏ và đều có cam kết, phương án bảo vệ môi trường được UBND huyện phê duyệt trước khi đi vào hoạt động và kiểm tra hàng năm.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

+ Trên địa bàn xã không có các hoạt động gây ô nhiễm môi trường và các hoạt động phát triển môi trường xanh - sạch - đẹp như: nhân dân thường xuyên dọn dẹp vệ sinh, khai thông cống rãnh, phát quang bụi rậm, trồng cây xung quanh nhà ở, khu dân cư, nhà sinh hoạt cộng đồng để tạo cảnh quan và điều hòa môi trường sinh thái. Nhìn chung, công tác giữ gìn vệ sinh, môi trường trong và ngoài ngõ xóm trên địa bàn xã được đảm bảo, nhân dân tích cực hưởng ứng. Đã xây dựng Hương ước của 11 thôn, làng văn hóa trong đó có nội dung về bảo vệ môi trường.

Bên cạnh đó, UBND xã đã phân công đến từng tổ chức, cá nhân thực hiện cam kết giữ gìn vệ sinh môi trường cụ thể: các thôn, làng thực hiện cam kết giữ gìn vệ sinh môi trường đối với từng hộ gia đình. Các tổ chức chính trị - xã hội cam kết giữ gìn vệ sinh môi trường đối với đoàn viên, hội viên của tổ chức mình. Đảng ủy xã đã phân công cho các Đoàn thể của xã xây dựng tuyến đường tự quản cụ thể: 03 tuyến đường cho Chi Hội phụ nữ tự quản, 01 tuyến đường cho Chi Hội Nông dân tự quản, 01 tuyến đường cho Chi Hội CCB tự quản và 01 tuyến đường cho Chi Đoàn thôn tự quản.

+ Có 2.089/2.389 hộ tham gia vào dịch vụ thu gom rác thải của HTX Dịch vụ Tổng hợp xã Ia Blang và tự đào hố thu gom rác đạt tỷ lệ 87,4%/70%.

+ Có 2.174/2.389 hộ thực hiện chỉnh trang hàng rào cổng ngõ, đạt tỷ lệ 91%/70%.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

Trên địa bàn xã có 8 khu vực chôn cất/11 thôn, làng. Trong đó có 01 nghĩa địa chung đã được quy hoạch diện tích 3,9 ha phục vụ nhu cầu cho nhân dân ở các thôn người kinh, đã được cắm mốc ranh giới và ban hành quy chế quản lý nghĩa trang tại theo Quyết định số 02/2013/QĐ-UBND ngày 02/12/2013 của UBND xã Ia Blang.

Đối với các khu nhà mồ ở các làng người đồng bào UBND xã tuyên truyền vận động cải táng đưa vào các nghĩa trang của làng. Trên địa bàn xã không còn phong tục người chết chôn chung một chỗ.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

+ Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định: có 11/11 thôn làng. Ngoài ra, một số hộ tại các thôn, làng tự tiêu huỷ rác thải theo hình thức chôn, đốt tại nhà đạt so với tiêu chí. Đối với các hộ chăn nuôi đã xây dựng và sử dụng các hầm Biogas và cách thức xử lý rác thải hợp vệ sinh. Từ năm 2014 đến nay, xã đã thành lập Tổ dịch vụ môi

trường, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã, với tần suất thu gom 03 lần/ tuần, đảm bảo 87% lượng rác trên địa bàn xã được thu gom và chuyển về bãi rác huyện.

+ Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 05/2016/TTL-BNNPTNT-BTNMT về hướng dẫn thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng. UBND xã đã xây dựng và lắp đặt 20 bể đựng bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn toàn xã với tổng kinh phí thực hiện 60.000.000 đồng. Hiện tại đã đáp ứng nhu cầu thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn. UBND xã đã xây dựng và ban hành Phương án về thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, giao cho Hội nông dân xã lập kế hoạch xây dựng thêm 30 bể thu gom năm 2020 và các năm tiếp theo.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch đạt từ 85% trở lên:

+ Có 2.032/2.432 hộ, có nhà tiêu đảm bảo vệ sinh, đạt tỷ lệ 83,6%.

+ Có 2.173/2.432 hộ, có bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, đạt tỷ lệ 89,35%

+ Có 2.182/2.432 hộ, có nhà tắm đảm bảo vệ sinh, đạt tỷ lệ 89,72%.

+ Có 2.032/2.432 hộ, có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch, đạt tỷ lệ 83,6%.

- Trong năm 2021 đã thực hiện xây dựng 15 nhà vệ sinh đạt chuẩn tại làng Nhả với tổng kinh phí thực hiện 100.000.000 đồng.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường đạt từ 75% trở lên: Trên địa bàn xã có 342/446 hộ chăn nuôi đảm bảo vệ sinh và có bản cam kết giữ gìn môi trường, chiếm tỷ lệ: 76,68%/75%.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 100%: có 2.365 hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm/2.365 hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm, đạt tỷ lệ 100%, trong đó:

+ Số cơ sở phòng Y tế quản lý là 18 cơ sở. Đã tiến hành kiểm tra, ký cam kết 18/18 cơ sở;

+ Số cơ sở phòng NN&PTNT quản lý là 10 cơ sở. Đã kiểm tra, đánh giá phân loại 10 cơ sở, đảm bảo đạt chuẩn 10/10 cơ sở đạt 100%;

+ Số cơ sở quản lý của phòng Kinh tế - Hạ tầng quản lý là 15 cơ sở. Đã tiến hành kiểm tra, ký cam kết 15 cơ sở;

+ Số cơ sở sản xuất ban đầu thuộc quản lý của UBND xã là 2.322 cơ sở. Đã tiến hành ký cam kết cho 2.322 cơ sở đạt 100%.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

c) Kết quả đánh giá tiêu chí: Đạt so với tiêu chí.

4.5. Tiêu chí số 18: Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật.

a) Yêu cầu của tiêu chí.

- Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”;
- Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của xã được đánh giá đạt loại cao nhất khi đảm bảo các yêu cầu và được tổ chức chính trị xã hội cấp huyện xét công nhận hàng năm đạt 100%
- Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định;
- Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.
- 100% cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ.
- Cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo kịp thời và đúng quy định.
- Thực hiện hiệu quả quy chế dân chủ ở cơ sở.
- 100% các thôn, làng xây dựng và thực hiện hiệu quả hương ước, quy ước cộng đồng.

b) Kết quả thực hiện.

- Đảng bộ chính quyền xã đạt chuẩn "Trong sạch, vững mạnh" (*Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ*) theo quy định của Ban Tổ chức Trung ương tại Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW ngày 14/09/2014 về đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên: Năm 2019, Đảng bộ đạt trong sạch vững mạnh, chính quyền đạt loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt

- Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên đạt tỷ lệ 100%: Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của xã được công nhận đạt danh hiệu cao nhất: Năm 2019 xã Ia Blang có 5/5 tổ chức chính trị - xã hội đạt "Trong sạch vững mạnh", đạt tỷ lệ 100%.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

- Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định: Xã đạt 93/100 điểm theo Quyết định số 619/QĐ-TTg, ngày 08 tháng 05 năm 2017 “Ban hành quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật”

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

- Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội:

+ 100% phụ nữ thuộc hộ nghèo, phụ nữ ở vùng dân tộc thiểu số, phụ nữ khuyết tật (23 hộ) có nhu cầu được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức.

+ Trên địa bàn xã không có trường hợp tảo hôn. Không có trường hợp cưỡng ép kết hôn.

+ Mỗi tháng UBND xã xây dựng 02 chuyên mục tuyên truyền về bình đẳng giới trên hệ thống truyền thanh của xã.

+ UBND xã sử dụng phòng trực của lực lượng công an xã để làm mô hình địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh cho các nạn nhân bị bạo lực gia đình tại 01 điểm tại phòng trực của ban công an xã.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

- 100% cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ.

+ Đội ngũ cán bộ xã gồm 19 cán bộ trong đó có 10 cán bộ chuyên trách, 09 công chức. Số cán bộ công chức xã đạt chuẩn theo quy định là 19/19 cán bộ, công chức đạt tỷ lệ 100%, cụ thể như sau: Có 10/10 cán bộ đạt chuẩn, 09/09 công chức đạt chuẩn. Công tác đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức đạt chuẩn luôn được Cấp ủy, chính quyền quan tâm, có 19/19 cán bộ, công chức có trình độ văn hóa, chuyên môn đạt so với tiêu chí.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

Cải cách đơn giản hóa các thủ tục hành chính, giải quyết các thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo kịp thời và đúng quy định: 187 thủ tục hành chính đã được niêm yết công khai tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Thực hiện thủ tục hành chính theo Quyết định của UBND tỉnh.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

- Xã thực hiện hiệu quả quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

- 11/11 thôn làng, đạt 100% xây dựng và thực hiện hiệu quả hương ước, quy ước cộng đồng.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

c) Kết quả đánh giá tiêu chí: Đạt so với tiêu chí.

4.6. Tiêu chí số 19: Quốc phòng và An ninh.

a) Yêu cầu của tiêu chí.

- Xây dựng lực lượng dân quân “Vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng;

- Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không để hình thành, phục hồi các tổ chức phản động hoặc các tổ chức khác hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước; không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm so với các năm trước;

- Nhân dân tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc;

- Có mô hình tự quản, liên kết bảo vệ an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

b) Kết quả thực hiện.

- Xây dựng lực lượng dân quân “Vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng:

+ Xã Ia Blang đã xây dựng Ban chỉ huy quân sự và dân quân xã đảm bảo các quy định về số lượng cán bộ, nơi làm việc của Ban Chỉ huy quân sự xã, chất lượng chính trị và tất cả các thôn đội trưởng, tiểu đội trưởng dân quân thường trực, trung đội trưởng dân quân cơ động đều là đảng viên.

+ Đảm bảo xây dựng lực lượng dân quân “Vững mạnh, rộng khắp”. Đã tổ chức xây dựng lực lượng, biên chế, trang bị đảm bảo theo quy định.

+ Hàng năm đều tổ chức tuyên truyền vận động và triển khai thực hiện tốt công tác tuyển quân, hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

- Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không để hình thành, phục hồi các tổ chức phản động hoặc các tổ chức khác hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước; không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (*ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút*) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước:

+ Hằng năm, Đảng ủy có nghị quyết, UBND xã có kế hoạch về công tác bảo đảm an ninh, trật tự; tổ chức xây dựng có hiệu quả các mô hình bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

+ Trong năm 2019 trên địa bàn xã không xảy ra các hoạt động chống Đảng, chống chính quyền, khiếu kiện, khiếu nại đông người, kéo dài, khiếu kiện vượt cấp

+ Tổ chức thực hiện các hoạt động phòng ngừa các loại tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội và các vi phạm khác: Trong năm qua trên địa bàn xã không xảy ra trọng án trên địa bàn và không có công dân của xã phạm tội đặc biệt nghiêm trọng; Các loại tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút,...) và các hành vi vi phạm pháp luật khác luôn được kiểm chế, năm sau thấp hơn năm trước; Không để xảy ra cháy, nổ, tai nạn giao thông và tai nạn lao động nghiêm trọng do công dân của

xã gây ra trên địa bàn. Lực lượng Công an xã được xây dựng, củng cố trong sạch, vững mạnh. Tuy nhiên, trên địa bàn vẫn còn tiềm ẩn nhiều yếu tố gây mất an ninh trật tự xã hội.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

- Nhân dân tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc: Toàn xã có 198 dự bị động viên hạng 1 (trong đó: có 13 sỹ quan và 185 HSQ-Binh sỹ); 99 chiến sỹ dân quân, Cơ động huyện 10 đồng chí; cơ động xã 31 đồng chí; 5 tổ Bình chủng bảo đảm 15 đồng chí; 01 khẩu đội cối 60 mm gồm 04 đồng chí; 11 tổ dân quân tại chỗ gồm 39 đồng chí.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

- Có mô hình tự quản, liên kết bảo vệ an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả: Trên địa bàn xã có 11/11 thôn, làng có tổ tự quản an ninh nhân dân, bên cạnh đó làng Nhà xây dựng mô hình tổ Liên gia tự quản. các mô hình đều đảm bảo liên kết bảo vệ an ninh trật tự và hoạt động hiệu quả.

- Đánh giá chỉ tiêu: Đạt.

c) Kết quả đánh giá tiêu chí: Đạt so với tiêu chí.

V. Đánh giá chung.

1. Những mặt đã làm được.

Sau gần 9 năm triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn xã đã đạt được một số kết quả nổi bật.

Đến nay xã đã thực hiện đạt 19/19 tiêu chí theo bộ tiêu chí NTM nâng cao thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2018-2020. Đã tạo phong trào khí thế thi đua xây dựng NTM, nhân dân rất phấn khởi, tin tưởng và tích cực hưởng ứng tham gia phong trào. Vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư nông thôn đã được nâng lên; bộ mặt một số thôn, làng bắt đầu khởi sắc, bộ mặt xã NTM đang từng bước rõ nét.

Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân nắm rõ được nội dung, ý nghĩa, tầm quan trọng của phong trào qua đó có những cách làm, phương pháp hiệu quả, thu hút được sự quan tâm, đồng tình hưởng ứng, tự giác tham gia của đông đảo nhân dân, góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế xã hội và giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao, nông thôn phát triển theo quy hoạch, có kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội hiện đại, môi trường được bảo vệ và giữ vững, trình độ dân trí được nâng cao, bản sắc văn hóa dân tộc được giữ gìn và phát huy, chất lượng cán bộ trong hệ thống chính trị được nâng cao.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

a. Tồn tại và hạn chế.

Nhận thức của một bộ phận người dân về xây dựng NTM chưa đầy đủ. Trong công tác tuyên truyền, vận động ở một số thôn, làng thực hiện chưa sâu rộng, chưa thường xuyên, kịp thời, hình thức tuyên truyền chưa phong phú, thiếu thuyết phục.

Phong trào xây dựng NTM ở một số thôn, làng chưa sôi động.

Nhìn chung qua 9 năm thực hiện, nguồn vốn đầu tư của Nhà nước còn hạn chế, việc huy động nguồn vốn từ các tổ chức, cá nhân là rất khó khăn, công tác nhân rộng mô hình sau khi thực hiện thành công còn chậm.

Doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp nông thôn còn quá ít.

b. Nguyên nhân chủ yếu.

Xây dựng NTM là công việc mới, khó khăn phức tạp đòi hỏi nguồn lực lớn, trong khi đó tiềm lực kinh tế có hạn, nội dung xây dựng NTM liên quan đến lĩnh vực đời sống kinh tế - chính trị- xã hội, phạm vi địa bàn nông thôn rộng lớn, chưa có hình mẫu và tiền lệ; cơ chế, chính sách còn nhiều bất cập (vốn tín dụng và vốn doanh nghiệp).

Việc hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình, nhất là hướng dẫn quy hoạch xây dựng NTM còn chậm và chưa đồng bộ.

Trình độ đội ngũ cán bộ cơ sở còn hạn chế, một bộ phận chưa đáp ứng nhiệm vụ nhất là cán bộ thôn, làng.

Công tác vận động tuyên truyền đã tích cực nhưng chưa sâu rộng nên một bộ phận người dân nhận thức về nông thôn mới chưa đầy đủ.

3. Bài học kinh nghiệm:

Đã có 05 bài học chính được rút ra qua quá trình thực hiện:

Một là, nơi nào cả hệ thống chính trị vào cuộc với quyết tâm cao, quyết liệt, quyết đoán trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện một cách thống nhất, đồng bộ, xác định rõ nội dung trọng tâm, trọng điểm trong lãnh đạo, chỉ đạo và phù hợp điều kiện thực tiễn cụ thể của từng thôn thì nơi đó tình hình có sự chuyển biến tốt và đạt kết quả cao theo mục tiêu, nhiệm vụ đề ra; hiện thực hóa phương châm hành động của cả hệ thống chính trị và người dân, đó là phải đạt được "4 chữ đồng": Đồng lòng, đồng thuận, đồng hành và đồng tiến, thì dù việc gì khó khăn đến đâu cũng thực hiện được và thực hiện có kết quả.

Hai là, trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ xây dựng NTM phải xác định và thể hiện "4 rõ", đó là: Rõ về trách nhiệm của từng tổ chức; Rõ về nội dung, nhiệm vụ phải thực hiện của từng tổ chức; Rõ về phương thức, biện pháp, cách thức tổ chức thực hiện của tổ chức mình; Rõ về kết quả đạt được do tổ chức mình tạo ra.

Ba là, đối với trách nhiệm của chính quyền, phải bảo đảm "4 sâu sát", đó là: Sâu sát tình hình sản xuất và đời sống của nông dân; Sâu sát với thực tiễn địa bàn cơ sở; Sâu sát với nhu cầu, nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của nhân dân; Sâu sát với các mô hình về phát triển sản xuất, để nâng cao thu nhập của người nông dân. Từ đó người dân có điều kiện để tiếp tục tham gia đóng góp xây dựng NTM.

Bốn là, đối với cán bộ, đảng viên, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở cơ sở phải thực hiện nghiêm, đầy đủ "4 phải", đó là: Phải ưu tiên tập trung dành thời gian, công sức, trí tuệ để lãnh đạo, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra việc tổ chức thực hiện; Phải gần gũi, tôn trọng, thấu hiểu, đối thoại, giải thích, giải đáp, giải quyết kịp thời, có kết quả những vấn đề mà thực tiễn đang đặt ra đối với người dân; Bản thân và gia đình phải gương mẫu thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ nơi cư trú; Phải thống nhất giữa lời nói đúng và việc làm đúng để làm gương tốt, tạo

sự lan tỏa nhằm phát huy hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động trong quá trình thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ.

Năm là, đặc biệt coi trọng, làm tốt công tác tuyên truyền, vận động và "Dân vận khéo" với cách thức, phương pháp tuyên truyền cụ thể, ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ để người dân hiểu và nhận thức đúng và đầy đủ về trách nhiệm, vai trò chủ thể của mình, hiện thực hóa phương châm "dân biết, dân bàn, dân quyết định, dân làm, dân giám sát, dân thụ hưởng"; ngoài sự hỗ trợ của nhà nước, vấn đề có ý nghĩa quan trọng là phải biết phát huy trí tuệ và sức mạnh của nhân dân, huy động hợp lý các nguồn lực trong dân để xây dựng NTM; mọi huy động đóng góp của dân phải được bàn bạc, công khai, dân chủ, đồng thuận cao trong cộng đồng dân cư để nhân dân hiến kế, đề xuất cách thức thực hiện, khi nhân dân thấy được kết quả, lợi ích thiết thực, từ đó tăng thêm lòng tin, đồng lòng, đồng thuận, đồng hành của nhân dân trong quá trình thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng NTM.

VI. Kế hoạch xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu 3 tháng cuối năm 2022.

1. Quan điểm.

Sau khi đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới cần phải xây dựng Kế hoạch duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí, nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, đảm bảo sự tăng trưởng và phát triển bền vững.

Nâng cao chất lượng tiêu chí bao gồm nâng mức đạt của các chỉ tiêu của Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới nâng cao và bổ sung một số chỉ tiêu phản ánh mức độ hưởng thụ cao hơn về vật chất, tinh thần của người dân nông thôn. Đồng thời, quy định tốc độ tăng trưởng tối thiểu cần đạt đối với một số tiêu chí khi xem xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

2. Mục tiêu: Duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí, đảm bảo đạt chuẩn và phát triển nông thôn bền vững.

3. Nội dung xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu..

- Thu nhập bình quân đầu người/năm đến cuối năm 2021 là 45 triệu đồng/người/năm. Tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống dưới 2%, tương đương với tỷ lệ hộ nghèo dưới 46 hộ.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng: Nông nghiệp - Công nghiệp - Dịch vụ theo tỉ trọng: 80% - 15 % - 5 %.

- Cơ cấu lao động theo các ngành Nông nghiệp – Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp – Thương mại, dịch vụ theo tỷ lệ tương ứng: (80% -15% -5%). Đào tạo nghề cho 300 lao động; 100% nông dân được trang bị kiến thức quản lý và sản xuất nông nghiệp.

- Chuyển dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp hàng hóa, chất lượng, đảm bảo an toàn hợp vệ sinh.

- Xây dựng mạng lưới giao thông nông thôn đảm bảo thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa, tiêu thụ nông sản. Tuyên xã tới các thôn, làng được nhựa hóa; trục nối giữa các thôn, làng; giữa các hộ gia đình trong thôn, làng được cứng hóa không lầy lội vào mùa mưa.

- Nâng cấp cơ sở vật chất các trường, hoàn thiện các điều kiện cần và đủ về cơ sở vật chất trong hệ thống các trường học, tiến tới chuẩn hóa các phương tiện dạy và học.

- Xây dựng đời sống văn hóa ở nông thôn với 11/11 thôn, làng (giảm 02 đơn vị thôn, làng do thực hiện sáp nhập) đạt tiêu chuẩn “Thôn, làng văn hóa” 3 năm; tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 100%, duy trì xã văn hoá.

- Tỷ lệ hộ dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%. Duy trì tổ hợp tác dịch vụ môi trường trong việc thu gom, vận chuyển rác thải, tiến tới mở rộng ngành nghề kinh doanh. Quy hoạch xây dựng quy chế quản lý nghĩa trang đạt chuẩn 100%.

- Trên địa bàn xã có 4.432 hộ sử dụng nước sạch /2.432 hộ, đạt tỷ lệ 100%. Trong thời gian tới huyện sẽ mở rộng mạng lưới cung cấp nước sạch từ nhà máy nước sạch Chư Sê xuống xã Ia Blang đảm bảo đạt chuẩn.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng, hoạt động của các hội, đoàn thể thông qua việc vận động tuyên truyền hội viên, đoàn viên, làm nòng cốt trong phong trào xây dựng nông thôn mới. Trong đó tỷ lệ cán bộ đạt chuẩn là 100%; hoạt động của Đảng bộ, Chính quyền và tổ chức đoàn thể chính trị đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh và từ tiên tiến trở lên. An ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân.

Trên đây là báo cáo Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 9 tháng đầu năm và phương hướng triển khai nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2022 của xã Ia Blang, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Nơi nhận:

- BCĐ CTMT QG XD NTM huyện;
- Phòng NN&PTNT;
- BCĐ XDNTM xã;
- TT Đảng ủy xã;
- TT HĐND - UBND xã;
- TT UBMTTQ xã;
- Lưu: VT.

**TM. UBND XÃ IA BLANG
PHÓ CHỦ TỊCH**

Rah Lan Nhất

BẢNG PHỤ LỤC ĐẠT 19/19 TIÊU CHÍ NTM NÂNG CAO

STT	TÊN CHỈ TIÊU	CHỈ TIÊU	KẾT QUẢ	ĐÁNH GIÁ
1	QUY HOẠCH	1. Tổ chức quản lý và đầu tư xây dựng theo đúng quy hoạch được duyệt.	- Quyết định số 907/QĐ-UBND, ngày 20/9/2019 của UBND huyện Chư Sê về việc phê duyệt quy hoạch chung - Quyết định số 935/QĐ-UBND, ngày 28/12/2018 của UBND huyện Chư Sê về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm hành chính xã. - Quy chế quản lý quy hoạch triển khai thực hiện và trình UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 760/QĐ-UBND, ngày 06/11/2018 của UBND huyện Chư Sê.	ĐẠT
		2. Công bố và thực hiện cấm mốc theo quy định	Các bản vẽ Quy hoạch được niêm yết công khai để người dân biết và thực hiện; hoàn thành việc cấm mốc quy hoạch chi tiết XD TTHC xã đã được UBND huyện phê duyệt và UBND xã niêm yết, công khai	
		3. Thường xuyên tuyên truyền nội dung quy hoạch cho các tổ chức, người dân biết và thực hiện	Các nội dung liên quan đến quy hoạch và công bố quy hoạch thường xuyên được UBND xã tuyên truyền đến các tổ chức, người dân biết qua các chương trình, hội nghị, đài truyền thanh của xã	
2	GIAO THÔNG	1. Tỷ lệ km Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm đạt tỷ lệ 100%	- Tỷ lệ đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hoá 6,65/6,65km, đạt 100%.	ĐẠT
		2. Tỷ lệ km Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm, đạt tỷ lệ cứng hoá từ 100% trở lên:	- Tỷ lệ đường trục thôn, làng và đường liên thôn làng được cứng hoá 12,543/12,543km, đạt 100%.	
		3. Tỷ lệ km Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa, đạt tỷ lệ 100%, trong đó tỷ lệ cứng hoá đạt tỷ lệ từ 50% trở lên	- Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa: 33,799/33,799km..	
		4. Tỷ lệ km Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm, đạt tỷ lệ cứng hoá từ 85% trở lên:	- Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hoá thuận tiện quanh năm. Đã cứng hóa 12,433/14,61km, đạt tỷ lệ 85%.	

		5. Thường xuyên duy tu sửa chữa đường GT, không để xảy ra tình trạng xuống cấp;	- Các tuyến đường trên địa bàn xã Thường xuyên duy tu bảo dưỡng đường giao thông, không để xảy ra tình trạng xuống cấp.	
3	THỦY LỢI	1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 85% trở lên	Tổng diện tích gieo trồng trên địa bàn xã là 2.018 ha, trong đó diện tích được tưới chủ động là 1.736 ha đạt 86%, diện tích được tiêu nước chủ động là 1.816,5ha, đạt 90%;	ĐẠT
		2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	
		3. Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các công trình thủy lợi, không để xảy ra tình trạng xuống cấp	Các công trình thủy lợi trên địa bàn xã thường xuyên duy tu bảo dưỡng, không để xảy ra tình trạng xuống cấp	
4	ĐIỆN	Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn: Đạt 99%. Tổng số hộ toàn xã.	Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn: 2.389/2.389 hộ sử dụng điện lưới quốc gia; đạt: 100%.	ĐẠT
5	TRƯỜNG HỌC	1. Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia từ 75% trở lên	- Trên địa bàn xã có 03 trường: trường Mẫu giáo Hướng Dương, trường Tiểu học Tôn Đức Thắng và THCS Cù Chính Lan. Tỷ lệ trường học các cấp có cơ sở vật chất đạt chuẩn là 3/3 trường, đạt 100%.	ĐẠT
		2. Thường xuyên duy tu, sửa chữa các công trình trường học các cấp, không để xuống cấp	Các công trình trường học trên địa bàn xã thường xuyên duy tu bảo dưỡng không để xảy ra tình trạng xuống cấp	
6	CƠ SỞ VẬT CHẤT VĂN HÓA	1. Xã có nhà văn hoá hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hoá, thể thao của toàn xã	Nhà văn hoá xã với diện tích 377 m ² với 300 chỗ ngồi làm nơi để tổ chức điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi. Sân vận động xã được san ủi và xây khán đài đảm bảo cho công tác tổ chức các hoạt động thể dục thể thao. Tỷ lệ thôn, làng có nhà văn hoá hoặc nơi sinh hoạt văn hoá, thể thao phục vụ cộng đồng đạt 100%: Tỷ lệ nhà văn hoá đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là 7/11 nhà, đạt 53,8%.	ĐẠT
		2. Thường xuyên duy tu, sửa chữa các công trình nhà văn hóa, không để	Các công trình nhà văn hoá trên địa bàn xã thường xuyên được duy tu bảo dưỡng không để xảy ra tình trạng xuống cấp	

		xuống cấp		
7	CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ THƯƠNG MẠI NÔNG THÔN	Xã đạt chuẩn tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn khi đáp ứng một trong các yêu cầu: Xã có chợ nông thôn hoặc chợ liên xã và có điểm, nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Hiện tại trên địa bàn xã có 01 chợ, diện tích nhà lồng 228 m ² ; số hộ kinh doanh buôn bán tại chợ thường xuyên là 20 hộ với 20 ki ốt	ĐẠT
8	THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	1. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành	Hiện nay có 18 máy vi tính được kết nối internet, thu sóng Wifi có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành và phục vụ làm việc,	ĐẠT
		2. Kỹ năng sử dụng máy vi tính của cán bộ xã: 80% số cán bộ, công chức sử dụng máy tính trong công tác quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ và phải sử dụng thư điện tử công vụ trong giải quyết công việc chuyên môn	Có 20/20 cán bộ, công chức sử dụng máy tính trong công tác quản lý chuyên môn nghiệp vụ và sử dụng thư điện tử công vụ trong giải quyết công việc chuyên môn, đạt tỷ lệ 100%.	
		3. Tỷ lệ máy tính/Số cán bộ công chức xã đạt tối thiểu 60%.	Tỷ lệ máy tính/số cán bộ công chức của xã là: 18/20. Đạt 90%.	
9	NHÀ Ở DÂN CƯ	Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định từ 85% trở lên	Trên địa bàn xã có: 2.032/2.389 nhà ở đạt chuẩn, đạt tỷ lệ 85,05%. Không có nhà tạm dột nát	ĐẠT
10	THU NHẬP	Cao gấp 1.2 lần trở lên so với thời điểm được công nhận đạt chuẩn NTM.	Năm 2018 là 35 triệu đồng/người/năm, đến nay đạt 42 triệu đồng/người/năm, tăng 1,2 lần so với thời điểm được công nhận	ĐẠT
11	HỘ NGHÈO	Tỷ lệ hộ nghèo giảm 0,5 lần so với thời điểm công nhận đạt chuẩn ntm.	Hiện nay trên địa bàn xã có 64 hộ nghèo/2.389 hộ, chiếm tỷ lệ 2,68% giảm 0,5 lần so với thời điểm công nhận (<i>thời điểm công nhận là 5,56%</i>).	Chưa đạt
12	LAO ĐỘNG CÓ VIỆC LÀM	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động đạt từ 95% trở lên.	Tổng số lao động trong độ tuổi trên địa bàn xã có 5.683/5.961 lao động có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động, đạt tỷ lệ 95,34%.	ĐẠT
13	TỔ CHỨC SẢN XUẤT	1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	Xã có 01 HTX sản xuất kinh doanh dịch vụ tổng hợp xã Ia Blang, hoạt động theo đúng quy định của Luật HTX năm 2012	ĐẠT
		2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững.	HTX đã xây dựng mô hình chuỗi liên kết sản xuất, trồng, chăm sóc, tiêu thụ sản phẩm cà phê và các cây trồng khác giữa HTX sản và nông dân trên địa bàn	

			xã dựa trên hợp đồng liên kết	
		3. UBND xã lập kế hoạch PTSX hàng hóa chủ lực của xã gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu lại nông thôn, trình huyện phê duyệt	UBND xã đã ban hành quyết định số 50/QĐ-UBND, ngày 25/3/2019 về việc phê duyệt Danh mục sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực xã Ia Blang năm 2019 và định hướng phát triển đến năm 2020, xác định cây cà phê là cây chủ lực của xã với tổng diện tích: 744 ha, chiếm tỷ lệ 36,86% so với tổng diện tích gieo trồng của xã	
		4. Triển khai thực hiện có hiệu quả hoạt động phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực của xã gắn với cơ cấu kinh tế nông thôn	- Hiện nay huyện Chư Sê đã phê duyệt đề án Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025 để tổ chức triển khai thực hiện các mô hình. Trong năm giai đoạn tiếp theo sẽ tổ chức thực hiện các mô hình sản xuất cà phê sạch và nuôi heo hữu cơ vi sinh trên địa bàn xã Ia Blang	
		5. Thực hiện cơ giới hóa trong SXNN đối với một số loại cây trồng, vật nuôi chủ lực của xã có khả năng áp dụng cơ giới hóa	Cơ giới hóa để nâng cao năng suất LD như: tưới tự động, tưới tiết kiệm, máy làm đất, máy đào, máy xới, máy gặt... đạt trên 80%.	
		6. Có mô hình SX theo hướng hữu cơ, an toàn hoặc có mô hình ứng CNC trong sản xuất	Có 03 mô hình cụ thể: mô hình trồng rau an toàn trong nhà lưới với diện tích 02 ha, mô hình nuôi heo hữu cơ với 100 con, mô hình nuôi dê hữu cơ với 400 con	
		7. Giải quyết việc làm cho lao động NT thông qua các mô hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế NT và tổ chức lại sản xuất	Các mô hình nêu trên đã góp phần giải quyết việc làm cho lao động nông thôn.	
14	GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	1. Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3 theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Căn cứ QĐ 168/QĐ-UBND ngày 19/2/2018 của UBND huyện Chư Sê về việc công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên địa bàn: Duy trì đạt chuẩn phổ cập mầm non, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đạt mức độ 3, đạt chuẩn phổ cập giáo dục Trung học cơ sở mức độ 3, đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.	ĐẠT
		2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học (phổ thông, bổ túc, trung cấp) đạt từ 85% trở lên	Có 102/102 học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học, đạt 100%.	
		3. Tỷ lệ lao động có việc	Trên địa bàn xã có 3.728/5.683 lao động	

		làm đã qua đào tạo: trên 65%.	có việc làm đã qua đào tạo, đạt tỷ lệ 65,61%.	
		4. Có 100% số lao động nông thôn trong độ tuổi lao động thường trú tại địa phương có khả năng lao động được tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ, rủi ro thiên tai, cơ chế, chính sách của nhà nước và được cung cấp thông tin để phát triển sản xuất, kinh doanh hoặc chuyển đổi cách thức làm ăn phù hợp	Có 100% số lao động nông thôn trong độ tuổi lao động thường trú tại địa phương có khả năng lao động được UBND xã tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ, rủi ro thiên tai, cơ chế, chính sách của nhà nước và được cung cấp thông tin để phát triển sản xuất, kinh doanh hoặc chuyển đổi cách thức làm ăn phù hợp trên hệ thống phát thanh của xã.	
15	Y TẾ	1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên 90%	Trên địa bàn xã có 8.859/9.839 người dân tham gia BHYT đạt 90,04%.	Chưa đạt
		2. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi):	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thấp còi có 126 trẻ em suy dinh dưỡng/tổng số 1.139 trẻ em, chiếm 11,06%	
		3. Thường xuyên duy tu, sửa chữa các công trình y tế, không để xuống cấp	Trạm y tế thường xuyên được duy tu, bảo dưỡng, không xảy ra tình trạng xuống cấp	
16	VĂN HÓA	Tỷ lệ thôn, làng đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định đạt từ 80% trở lên	Trên địa bàn xã có 11/11 thôn làng đạt tiêu chuẩn thôn làng văn hóa, đạt 100%.	ĐẠT
17	MÔI TRƯỜNG	1. Có hệ thống cung cấp nước sinh hoạt tập trung đảm bảo cung cấp cho 100% số hộ dân trên địa bàn xã	Trên địa bàn xã có 2.389 hộ sử dụng nước sạch/2.389 hộ, đạt tỷ lệ 100%. Trong thời gian tới huyện sẽ mở rộng mạng lưới cung cấp nước sạch từ nhà máy nước sạch Chư Sê xuống xã Ia Blang đảm bảo đạt chuẩn	ĐẠT
		2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định:	Trên địa bàn xã có 43/43 cơ sở, có cam kết BVMT đạt tỷ lệ 100%/100%. Chất thải từ các cơ sở được thu gom xử lý theo quy định. Các cơ sở kinh doanh nhỏ và đều có cam kết, phương án BVMT được UBND huyện phê duyệt trước khi đi vào hoạt động và kiểm tra hàng năm	
		3: Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn:	Không có các hoạt động gây ô nhiễm môi trường và các hoạt động phát triển môi trường xanh - sạch - đẹp như: nhân dân thường xuyên dọn dẹp vệ sinh, khai thông cống rãnh, phát quang bụi rậm, trồng cây xung quanh nhà ở, khu dân cư, để tạo cảnh quan và điều hòa môi trường sinh thái. Có 2.089/2.389 hộ tham gia vào dịch vụ thu gom rác thải của HTX DVTH xã Ia Blang, đạt tỷ lệ 87,4%/70%. Có 2.174/2.389 hộ thực hiện chỉnh trang hàng rào cổng ngõ, đạt	

			tỷ lệ 91%/70%.	
		4: Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch:	Có 8 khu vực chôn cất/11 thôn, làng. Trong đó có 01 nghĩa địa chung đã được quy hoạch diện tích 3,9 ha phục vụ nhu cầu cho nhân dân ở các thôn người kinh, đã được cắm mốc ranh giới và ban hành quy chế quản lý nghĩa trang tại theo Quyết định số 02/2013/QĐ-UBND ngày 02/12/2013. Đối với các khu nhà mồ ở các làng người đồng bào UBND xã tuyên truyền vận động cải táng đưa vào các nghĩa trang của làng. Trên địa bàn xã không còn phong tục người chết chôn chung một chỗ.	
		5: Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Đã thành lập Tổ dịch vụ môi trường, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã, với tần suất thu gom 03 lần/ tuần, đảm bảo 87% lượng rác trên địa bàn. Xây dựng và lắp đặt 20 bể đựng bao gói thuốc BVTV sau sử dụng, đáp ứng nhu cầu thu gom bao gói thuốc BVTV. Xây dựng và ban hành Phương án về thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng	
		6: Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	<ul style="list-style-type: none"> - Có 2.032/2.389 hộ, có nhà tiêu đảm bảo vệ sinh, đạt tỷ lệ 85,1%. - Có 2.173/2.389 hộ, có bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, đạt tỷ lệ 91% - Có 2.182/2.389 hộ, có nhà tắm đảm bảo vệ sinh, đạt tỷ lệ 91,34%. - Có 2.032/2.389 hộ, có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch, đạt tỷ lệ 85,1%. 	
		7: Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường:	Có 342/446 hộ chăn nuôi đảm bảo vệ sinh và có bản cam kết giữ gìn môi trường, chiếm tỷ lệ: 76,68%/75%.	
		8: Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	<ul style="list-style-type: none"> - Số cơ sở phòng Y tế quản lý là 18 cơ sở. Đã tiến hành kiểm tra, ký cam kết 18/18 cơ sở, đạt 100%; - Số cơ sở phòng NN&PTNT quản lý là 10 cơ sở. Đã kiểm tra, đánh giá phân loại đảm bảo đạt chuẩn 10/10 cơ sở đạt 100%; - Số cơ sở quản lý của phòng Kinh tế - Hạ tầng quản lý là 15 cơ sở. Đã tiến hành kiểm tra, ký cam kết 15/15 cơ sở; đạt 100%; - Số cơ sở sản xuất ban đầu thuộc quản lý của UBND xã là 2.322 cơ sở. Đã tiến hành 	

			ký cam kết cho 2.322 cơ sở đạt 100%.	
		9: Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các công trình cấp nước, không để xảy ra tình trạng xuống cấp	Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các công trình cấp nước, không để xảy ra tình trạng xuống cấp	
18	HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ TIẾP CẬN PHÁP LUẬT	1. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh	Đảng bộ chính quyền xã đạt chuẩn "Trong sạch, vững mạnh" (<i>Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ</i>)	ĐẠT
		2. Các tổ chức đoàn thể CT- XH của xã được đánh giá đạt loại cao nhất khi đảm bảo các yêu cầu và được tổ chức chính trị xã hội cấp huyện xét công nhận hàng năm đạt 100	Năm 2019 xã Ia Blang có 5/5 tổ chức chính trị - xã hội đạt "Trong sạch vững mạnh", đạt tỷ lệ 100%.	
		3. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Xã đạt 93/100 điểm theo Quyết định Số: 619/QĐ-TTg, ngày 08/5/2017 “Ban hành quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật”	
		4. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	- 100% phụ nữ thuộc hộ nghèo, phụ nữ ở vùng dân tộc thiểu số, phụ nữ khuyết tật (23 hộ) có nhu cầu được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức. Không có trường hợp cưỡng ép kết hôn. tảo hôn Mỗi tháng UBND xã xây dựng 02 chuyên mục tuyên truyền về bình đẳng giới trên hệ thống truyền thanh của xã. Sử dụng phòng trực của lực lượng công an xã để làm nhà tạm lánh cho các nạn nhân bị bạo lực gia đình.	
		5. 100% cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ	100% cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của PL và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ	
		6. Cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo kịp thời và đúng quy định	187 thủ tục hành chính đã được niêm yết công khai tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Thực hiện thủ tục hành chính theo Quyết định của UBND tỉnh.	
		7. Thực hiện hiệu quả quy chế dân chủ ở cơ sở	Thực hiện hiệu quả quy chế dân chủ ở cơ sở	
		8. 100% các thôn, làng xây dựng và thực hiện hiệu quả hương ước, quy ước cộng	11/11 thôn làng xây dựng và thực hiện hiệu quả hương ước, quy ước cộng đồng, đạt 100%	

		đồng		
19	QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH	1: Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Xây dựng lực lượng, biên chế, trang bị đảm bảo theo quy định. Thực hiện tốt công tác tuyển quân, hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ	ĐẠT
		2: Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước	Không để hình thành, phục hồi các tổ chức phản động hoặc các tổ chức khác hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước; không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (<i>ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút</i>) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước:	
		3. Nhân dân tích cực tham gia các phong trào BV ANTQ.	Toàn xã có 198 dự bị động viên hạng 1 (<i>trong đó: có 13 sỹ quan và 185 HSQ-Binh sỹ</i>); 99 chiến sỹ dân quân, Cơ động huyện 10 đồng chí; cơ động xã 31 đồng chí; 5 tổ Bình chủng bảo đảm 15 đồng chí; 01 khẩu đội cối 60 mm gồm 04 đồng chí; 13 tổ dân quân tại chỗ gồm 39 đồng chí.	
		4. Có mô hình tự quản, liên kết bảo vệ an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả.	Có 11/11 thôn, làng có tổ tự quản an ninh nhân dân, bên cạnh đó làng Nhả xây dựng mô hình tổ Liên gia tự quản. Các mô hình đều đảm bảo liên kết bảo vệ an ninh trật tự và hoạt động hiệu quả	